

NGHỀ TRỒNG LÚA Ở ĐỊNH TƯỜNG

GIAI ĐOẠN 1954-1963

LÊ ĐÌNH TRỌNG*
NGUYỄN XUÂN HOÀNG**

Định Tường là một tên gọi đơn vị hành chính được thành lập từ thời các chúa Nguyễn, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, tên gọi Định Tường dần được xác lập gắn liền với lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ. Tên gọi này tồn tại trong các văn bản hành chính ở miền Nam Việt Nam đến năm 1975. Khi Hiệp định Genève được ký kết, Việt Nam tạm thời chia cắt thành hai miền, tuy nhiên với sự giúp sức của Mỹ, chính thể Việt Nam Cộng hòa được thành lập ở miền Nam Việt Nam, do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Sau khi chính thức tuyên bố thành lập chế độ Việt Nam Cộng hòa, Ngô Đình Diệm tiến hành nhiều hoạt động nhằm củng cố quyền lực và xác lập nền hành chính trên toàn miền Nam. Tỉnh Định Tường được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 tỉnh Mỹ Tho và Gò Công, lúc này bao gồm 7 quận, 15 tổng và 123 xã.

1. Điều kiện tự nhiên, con người ở Định Tường

Định Tường có nhiều điều kiện thuận lợi về tự nhiên để phát triển nông nghiệp.

Về đất đai, Định Tường có diện tích khoảng 2.220km², trải dài từ Tây sang Đông dọc theo tả ngạn sông Tiền. Nhóm đất phù sa chiếm diện tích lớn nhất, hơn

52% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất mang lại giá trị tối ưu cho nghề trồng lúa.

Về khí hậu khá điều hòa, một năm có hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Rất ít gió bão, có hai mùa gió trong năm là gió Tây Nam và gió Đông Bắc. Lượng mưa trung bình từ 1500 - 2000mm/năm. Lượng mưa kết hợp chế độ thủy văn trở thành nhân tố quyết định chi phối đến vụ mùa, cơ cấu cây trồng, sản lượng và chất lượng nông sản.

Về nguồn nước, Định Tường có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nước sông có tầm quan trọng với tỉnh ở nhiều mặt như trồng trọt, sinh hoạt, thủy sản, giao thông đường thủy... Sông Tiền và sông Vàm Cỏ là hai sông ảnh hưởng lớn đến việc cung cấp nước và tổng lượng phù sa thông qua mạng lưới kênh rạch. Hệ thống sông, rạch góp phần tăng độ phì nhiêu cho đất đai, giúp tạo nên những cánh đồng lúa trù phú.

Về con người, so với các tỉnh miền Tây Nam phần, Định Tường là vùng đất chật người đông, số dân 674.800 người, là tỉnh có mật độ dân số cao nhất với 304 người/km² (1). Dân số đông là điều kiện vô cùng thuận lợi, đảm bảo cung cấp lượng lao động nông nghiệp dồi dào, ổn định. Dân cư hoạt động nông nghiệp chiếm 85-90% dân

*TS. Trường Đại học Đồng Tháp

**Trường Đại học Đồng Tháp

số. Người dân Định Tường trải qua bao thế hệ sống bằng nghề nông trồng lúa nước, nên kinh nghiệm phong phú, họ chất lọc qua từng vụ mùa; đối phó những bất lợi của thiên nhiên để thích nghi và tạo dựng cuộc sống ổn định. Tuy nhiên trong điều kiện chiến tranh, nhu cầu nhân sự phục vụ cho các hoạt động chiến sự thì nguồn lao động chắc chắn suy giảm, nhất là nam giới. Người dân sẽ ít nhiều có tham gia chính quyền cách mạng phục vụ công cuộc giải phóng, thống nhất đất nước. Bên cạnh đó là yêu cầu phục vụ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa và các hoạt động khác của chính quyền Sài Gòn.

2. Những chính sách nhằm phát triển nông nghiệp của chính quyền Sài Gòn

Về ruộng đất

Khi bắt đầu can dự vào miền Nam Việt Nam và hỗ trợ dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, người Mỹ rất xem trọng vấn đề ruộng đất. Xem đó là cốt lõi của việc thực hiện chính sách thực dân mới ở một trong những nơi mà cuộc sống của người dân gắn với nghề nông trồng lúa nước. Tác giả Lâm Quang Huyền, trong *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam* đã có nhận xét: “Trong quá trình chống phá các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, phần lớn là những nước mà đa số dân là quần chúng nông dân để quốc Mỹ nhận thức được một điều: muốn thiết lập chế độ thực dân mới ở những nước này, trước hết phải “tranh thủ trái tim khối óc của nông dân”, tách quần chúng nông dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng”. Có thể thấy, Ngô Đình Diệm nắm quyền trong điều kiện phần đông người dân ủng hộ chính phủ của Hồ Chí Minh với nhiều cải cách tiến bộ về ruộng đất. Mỹ muốn chính quyền Ngô Đình Diệm vững chắc thì phải gạt mọi ảnh hưởng “của những người cộng sản tại nông thôn miền Nam” (2) bằng chính sách ruộng đất. Một

phái đoàn do chuyên gia về cải cách ruộng đất của Mỹ là Wolf Ladejinsky dẫn đầu đã đến miền Nam Việt Nam trong thời gian 1955-1956 cố vấn cho Ngô Đình Diệm soạn thảo chương trình cải cách ruộng đất, kèm theo đó “Mỹ còn viện trợ cho chương trình “cải cách điền địa” này đến 225 triệu đồng miền Nam” (3).

Nội dung cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm được thể hiện qua 3 đạo dụ chính là: Dụ số 2 ngày 08-01-1955, Dụ số 7 ngày 05-02-1955 (được bổ sung bởi Dụ số 28 ngày 30-4-1956) và Dụ số 57 ngày 22-10-1956. Tuy nhiên, “theo sự thống kê của Bộ cải cách điền địa thời Ngô Đình Diệm, đến tháng 6-1960, có trên 100 văn bản các loại đã được ban hành” (4); đó là những văn bản ban hành kèm theo nhằm điều chỉnh hướng dẫn thực hiện. Cải cách điền địa thời Ngô Đình Diệm với những văn bản mang tính pháp lý trên sẽ bao gồm hai bước: ấn định quy chế tá điền (Dụ số 2 và Dụ số 7) và tái phân ruộng đất (Dụ số 57).

Tại Định Tường, hết năm 1957, số khế ước được đăng ký là 52.806 tờ, loại A: 41.457 tờ, loại B: 7.608 tờ, loại C: 3.741 tờ; Phân chia ruộng đất bán cho nông dân là 7.977 ha, số dân tá canh thụ hưởng là 5.725 người. Đến hết năm 1960, tình hình có tiến triển hơn; toàn tỉnh có 16.861 ha ruộng kê khai truất hữu, đã đo đạc 13.176 ha, đã cấp phát cho 8.270 nông dân (trong số này có 5.603 người được lãnh chứng nhận cấp ruộng và đã trả góp số tiền là 3.701.630 đồng), còn 3.208 ha đất hoang chưa có người mua. Việc phân chia ruộng đất bán cho nông dân theo Dụ số 57 diễn ra khá chậm, một phần nguyên nhân là việc định giá chưa hợp lý nhất là loại “ruộng hoang”. Theo quy định của Hội đồng cải cách điền địa (tại cuộc họp lần thứ V ngày 21-8-1957), giá biểu ruộng đất truất hữu tại Định Tường được ấn định như sau: ruộng hạng D (1 mùa) là 3.500 đồng/1ha,

ruộng hạng D (ruộng sạ) là 3.000 đồng/1ha; giá ruộng hoang sẽ bằng 50%. Điều không hợp lý là chưa phân biệt ruộng hoang do chiến cuộc hay do điều kiện đất đai. Những vùng đất trù phú (chẳng hạn quận Cái Bè) khi có chiến sự sẽ bỏ hoang, nhưng khi canh tác trở lại sẽ nhanh chóng ổn định sản xuất và có hoa lợi. Ngược lại những nơi đất phèn, xấu (ven Đồng Tháp Mười) bán nông dân không mua vì tốn rất nhiều công cải tạo năng suất cũng không cao. Vấn đề bất hợp lý này đến năm 1959 mới được Bộ Điền thổ và Cải cách điền địa giải quyết bằng công văn số 2145-BĐT/CCĐĐ ngày 10-7-1959, có bút phê đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Cải cách điền địa và đại diện Bộ Kinh tế (5).

Về tín dụng nông nghiệp

Nha hợp tác canh nông và công nghệ (1952-1956) (viết tắt theo tiếng Pháp là SNCAAC: Service National des Crédits Agricoles et Arisanales Co) được thành lập theo Nghị định 564-Cab/SG ngày 28-7-1952, chính thức hoạt động từ tháng 11-1952. SNCAAC có 5 cơ quan phụ thuộc cấp tỉnh là những Hội Canh nông tương tế Gia Định, Mỹ Tho, Cần Thơ, Hà Đông, Khánh Hòa. Mục đích hoạt động là cung cấp vốn cho các đoàn thể tương tế, hợp tác xã nông nghiệp, nông dân vay làm mùa; ngoài ra cũng giúp nông dân trở thành tiểu điền chủ bằng hình thức vay dài hạn để mua ruộng theo chương trình cải cách điền địa. SNCAAC không có vốn riêng và chính sách cho vay chủ yếu mang tính tuyên truyền cho chế độ nên việc thu nợ ít được quan tâm. Từ tháng 11-1954, Bộ Canh nông quyết định dừng việc cho vay của SNCAAC.

Bình dân nông nghiệp tín dụng (1955-1956), Dự số 29a ngày 25-4-1955 thành lập Bình dân nông nghiệp tín dụng (CAP: Crédit Agricole Populaire). Quy định cho vay là: những tá điền đã ký khế ước loại B,

C; tiểu điền chủ có ruộng bỏ hoang hay tự canh tác. Có hai hình thức vay ngắn hạn và trung hạn. Vay ngắn hạn lãi suất 1%/tháng và trả sau vụ gặt thứ nhất. Vay trung hạn lãi suất 6%/năm và trả làm 4 năm từ vụ gặt thứ hai. Cả SNCAAC và CAP đều tổ chức yếu, thu nợ kém hiệu quả nên bị buộc ngừng hoạt động từ 03-12-1956; số vốn còn lại chuyển cho “Quốc gia nông tín cuộc”.

Quốc gia nông tín cuộc (1957-1967) (ONCA: Office National de Crédit Agricole), thành lập ngày 01-4-1957 bằng Sắc lệnh số 67-ĐT/CCĐĐ, Quốc gia nông tín cuộc được thành lập để thay thế các hoạt động cung cấp tín dụng cho nông nghiệp của các cơ quan trước đó. “Lúc khởi đầu, vốn của Quốc gia Nông tín cuộc chỉ có 248.540.000 đồng (không kể nông súc viện trợ); đến ngày 30-6-1960, tổng số vốn đã lên tới hơn 861.394.373 đồng, trong đó: 330.000.000 đồng do Ngân sách quốc gia, 81.318.443 đồng do viện trợ Mỹ, 450.275.929,93 đồng do những nguồn khác” (6). Về thể thức cho vay có 2 hình thức: trực tiếp cho người dân hoặc gián tiếp thông qua hợp tác xã. Lãi suất vay ngắn hạn là 12%, trung hạn là 8%, dài hạn là 6% ấn định theo năm. Hiệu quả kinh doanh lúc đầu khá ổn, nhưng từ năm 1961 có sự giảm sút, số nợ thu hồi ngày càng kém (từ năm 1962 dưới 50%), đến năm 1967 cũng chấm dứt hoạt động. Tính đến năm 1960, trung bình hằng năm cơ quan Nông tín cho vay ở Định Tường với số vốn luân chuyển khoảng 50 triệu đồng, chương trình cho vay gồm rất nhiều loại nghiệp vụ: khẩn hoang làm mùa, làm vườn, trồng cây kỹ nghệ, mua phân bón, mua nông súc, cơ giới hóa nông nghiệp, động cơ hóa ngư thuyền (7).

Vấn đề nghiệp vụ cho vay cũng đáng bàn, có thể nói là không kịp thời, người nông dân bị mất quyền lợi khi tham gia vay vốn của ONCA thông qua hợp tác xã. Ở Hợp tác xã tích trữ và bán lúa quận Cái Bè

ghi nhận quá trình vay vốn của xã viên kéo dài khá lâu. Mùa ruộng bắt đầu vào tháng 6-1956, lúc này xã viên đã gửi đơn xin vay nhưng các khâu kiểm duyệt và sự thay đổi quy chuẩn hồ sơ nên đến khoảng cuối tháng 10-1956 hoàn tất gửi về ONCA. Kết quả có thể nói là “một sự thất vọng” lớn. Báo cáo chung niên năm 1956 của Hợp tác xã quận Cái Bè (Hồ sơ số: 554, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, Tp Hồ Chí Minh) ghi nhận: “Đầu tháng 12 năm 1956, chúng tôi nhận được số đơn xin vay do Nha Quốc gia tín dụng trả lại. Số tiền xin vay được bớt xuống vì giá lúa sụt và số xin vay không đúng với số lúa sẽ có của xã viên. Các đơn xin vay phải được sửa lại cho từng xã viên. Đến lúc này, ngoài đồng lúa đã sắp trổ. Xã viên tự hỏi, bây giờ còn sửa đơn lại bao lâu mới lấy được tiền và khi ấy đã đến mùa phải trả lại. Như thế thất công”.

Hợp tác xã nông nghiệp

Năm 1954, chính quyền Sài Gòn ban hành Dự 24/54 ngày 27-8-1954 ấn định quy chế tổng quát về Hợp tác xã. “Tuy nhiên, dự này quá nặng về khía cạnh pháp lý mà không chú trọng đến phương diện thích nghi lại ấn định những điều kiện quá cứng rắn và sự lãnh đạo phong trào hợp tác xã lại phân tán do nhiều bộ, nhiều cơ quan” (8). Để tạo sự chuyển biến trong hoạt động và thống nhất quản lý, chấm dứt tình trạng “mạnh ai, nấy làm”, ngày 27-02-1959, Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh 41-TTP thành lập Phủ Tổng ủy Hợp tác xã và Nông tín, trực thuộc Phủ Tổng thống. Sau đó, ngày 11-3-1959, Sắc lệnh 58/TTP tu chỉnh Quy chế hợp tác xã (Dự 24 ngày 27-8-1954) được ban hành, Điều 2 đã định nghĩa như sau: “Hợp tác xã là một hội thuộc biệt loại, có tư cách pháp nhân tổ hợp trên căn bản nhân vị, tự do và bình đẳng, những người có nhu cầu chung để cùng hoạt động và bảo vệ quyền lợi kinh tế bằng một doanh nghiệp” (9). Tháng 7-1959, Trung tâm Nghiên cứu

huấn luyện Hợp tác xã được thành lập; nguồn ngân sách mang tính tự chủ nhưng tất cả do Mỹ viện trợ, Trung tâm này trở thành “cơ quan đầu não của hợp tác xã” (10).

Tính đến tháng 12-1957, tỉnh Định Tường có 6 hợp tác xã, trong đó có 4 hợp tác xã hoạt động liên quan đến nông nghiệp: 3 hợp tác xã tích trữ và bán lúa gạo (Cái Bè, Chợ Gạo, Gò Công), 1 hợp tác xã chăn nuôi lợn (Dưỡng Diêm); sau này có thêm hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ (Bến Tranh). Các hợp tác xã lúa gạo ở Định Tường có thực hiện loại nghiệp vụ dành tiền để cho xã viên vay gửi lúa, đây là hình thức tín dụng có đảm bảo, giúp xã viên không bị thiệt thòi khi giá nông sản trên thị trường giảm nhất là lúc đầu mùa. Đến năm 1961, số lượng hợp tác xã ở Định Tường đang hoạt động là 26, bao gồm: 4 hợp tác xã tích trữ và bán lúa, 2 hợp tác xã nông nghiệp, 18 hợp tác xã đa nhiệm, 1 hợp tác xã ngư nghiệp, 1 hợp tác xã chăn nuôi. Số lượng xã viên được ghi nhận là 8.044 người. Mô hình đa nhiệm được ưa chuộng vì mở rộng được phạm vi hoạt động, không bó hẹp trong phạm vi kinh tế.

Hợp tác xã nông nghiệp Phú Mỹ (quận Bến Tranh) thành lập ngày 23-1-1959 được chấp thuận bởi Bộ Kinh tế theo quyết định số 100/QĐ BKT (11). Báo cáo năm 1959, ghi nhận có 650 người nộp đơn gia nhập, 488 người mua cổ phần với giá trị 90.000 đồng, tiết kiệm ký ngân được 56.520 đồng. Đây là hợp tác xã có hoạt động nổi bật nhất về tín dụng nông nghiệp. Trong khi đó, hợp tác xã Cái Bè có lượng xã viên ít và biến động tùy theo tâm lý của xã viên và công tác vận động của Ban quản trị. Ngày 24-10-1955 Bộ trưởng Điền thổ và Cải cách điền địa ban hành Nghị định số 10-ĐTCC/NĐ chấp thuận thành lập hợp tác xã quận Cái Bè (12). Số xã viên khi công nhận hợp tác xã thì có 161 người và 444 cổ phần. Nhưng cuối năm 1956, xã viên chính thức

còn 58 người với 144 cổ phần. Vấn đề sút giảm, được Ban quản trị lý giải “xã viên còn cảm thấy hợp tác xã là cơ quan của Chính phủ chưa phải là của xã viên” (13).

Hiệp hội nông dân

Ngày 17-2-1958, chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh 560-TTP ấn định quy chế chung về tổ chức Hiệp hội nông dân, có nêu định nghĩa như sau: “Hiệp hội nông dân là một hội do nông dân thành lập. Tự tổ chức và điều khiển thay thế lễ lối sinh hoạt lẻ loi bằng hình thức sinh hoạt tập thể để cùng nhau cải tiến nông thôn, tăng gia sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần của hội viên” (14). Về chức năng, “Hiệp hội nông dân là một tổ chức trung lập về chính trị-tôn giáo, đấu tranh cho nông dân bằng con đường thuần túy về kinh tế và xã hội” (15).

Định Tường khá chú ý phát triển phong trào Hiệp hội nông dân, bằng chứng là đến hết năm 1960 đã có tất cả các cấp hội, bao gồm: 1 Hiệp hội nông dân tỉnh, 7 Hiệp hội nông dân quận, 32 Hiệp hội nông dân xã với 8.597 hội viên. Quận hội Chợ Gạo (thành lập tháng 5-1960, có 6 Hiệp hội cấp xã, 35 chi hội, 1.062 hội viên) được đánh giá có nhiều hoạt động mang lại hiệu quả cao; qua báo cáo năm 1963 các sản phẩm nông nghiệp đều thặng dư có thể bán, xã viên có hoa lợi sau khi thu hoạch những nông sản thiết yếu với kết quả như sau: lúa sản xuất được 25.750 tấn (kết dư có thể bán 15.000 tấn), bắp 250 tấn (dư 150 tấn), lợn 37.560 con (dư 23.170 con)... (16).

3. Vấn đề khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ nghề trồng lúa

Giống lúa

Tại Định Tường, có Trung tâm thí nghiệm tước mễ Long Định chuyên trách thực hiện việc nghiên cứu, nhân giống lúa mới. Nông dân ở quận Long Định sẽ ký làm cộng sự viên với Trung tâm, được mua

giống tốt, được cán bộ Trung tâm hướng dẫn kỹ thuật, tiến hành gieo trồng, sau đó thu hoạch báo cáo năng suất, từ đó đánh giá hiệu quả lựa chọn giống đưa vào sản xuất đại trà. Trung tâm sẽ mua lại bán với giá vốn hoặc làm trung gian giới thiệu nông dân khác đến mua làm giống cho các vụ mùa. Tuy nhiên, chính sách ưu tiên mua giống tốt là những nông dân ở các ấp chiến lược, ấp trù mật, khu trù mật. Mùa lúa 1961-1962, Định Tường sản xuất được 188,4 tấn lúa giống, kém xa An Giang 483,6 tấn, Vĩnh Bình 429,0 tấn (17). Vụ lúa mùa nhất năm 1963 (gặt vào tháng 9), có hai điểm thí điểm gây giống diện tích là 0,3 ha/điểm, có 5 giống lúa được chọn: Sadoeum, Tunsart, Samo rần, Lúa xiêm, Puang-ngéon; mỗi giống lúa trồng trên diện tích 0,1 ha. Kết quả năng suất thu được: Sadoeum 2,75 tấn/ha, Tunsart 2,2 tấn/ha, Lúa xiêm 2,05 tấn/ha (Điểm 1) 2,37 tấn/ha (Điểm 2), Samo rần 3,65 tấn/ha, Puang-ngéon 3,55 tấn/ha (18). Năng suất trên có được trong điều kiện canh tác tốt nhất về giống ban đầu là rất, phân bón, nước, thuốc bảo vệ. Để tăng năng suất lúa gạo, nhu cầu giống tốt rất quan trọng, với hiệu quả làm việc của Ty Nông vụ Định Tường trong việc cung cấp giống lúa là khó đáp ứng nhu cầu của nông dân vì phải theo yêu cầu ưu tiên của chính quyền Định Tường. Vì vậy, chất lượng lúa sản xuất bị lai tạp, chất lượng gạo cũng kém. Trong một văn bản trả lời Nha Nông vụ về việc mua giống sớm cho Ba Xuyên, Ty Nông vụ Định Tường thừa nhận: “Ty tôi không thể mua giùm cho Ba Xuyên số lượng giống sớm nêu trong công văn dẫn chiếu vì đến nay nông dân đã bán lúa ăn hết sau mùa gặt. Ngoài ra, lúa mua của nông dân không thể làm giống được vì lộn nhiều” (19). Trong khi chờ đợi nguồn cung giống từ chính quyền, nông dân phải chủ động để đảm bảo duy trì sản xuất, ổn định cuộc

sống. “Theo các báo cáo của Việt Nam Cộng hòa, khoảng $\frac{3}{4}$ nhu cầu giống lúa và các loại cây trồng khác vẫn là do nông dân tự sản xuất hoặc tìm tòi bằng các nguồn riêng” (20).

Phân bón hóa học, thuốc sát trùng

“Suốt thời kỳ Ngô Đình Diệm, việc sử dụng phân bón hóa học vẫn còn rất mới mẻ đối với ngành trồng trọt. Phân bón nhập cảng hàng năm chủ yếu dùng hỗ trợ cho kế hoạch Dinh điền, đa số nông dân vẫn trồng chay (không bón phân) hoặc tiến bộ hơn thì sử dụng phân chuồng, phân xanh. Việc sử dụng phân hóa học trong các dinh điền phần lớn cũng còn mang tính chất kiểm nghiệm. Do vậy, phân bón hóa học thời kỳ này chưa có tác dụng đáng kể đối với nền nông nghiệp trồng trọt miền Nam” (21). Giá cả sẽ do Bộ Kinh tế ấn định tùy theo địa phương xa hay gần Sài Gòn là nơi tập trung các nhà nhập cảng. Ví dụ phân Urêe (U-rê): ở Định Tường là 5.580 đồng/tấn, Vĩnh Long 5.680 đồng/tấn, An Giang 5.790 đồng/tấn (22)... Định Tường được ấn định giá khá thấp so với nhiều địa phương ở miền Tây Nam phần sẽ góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, nông dân có lợi cao hơn.

Máy móc, công cụ phục vụ nông nghiệp

Máy bơm nước, chỉ có Trung tâm thí nghiệm tức mễ Long Định được lắp đặt nhằm phục vụ hoạt động chuyên trách về tạo giống lúa. Những lúc hạn hán việc dẫn thủy vào ruộng rất khó khăn, phải mượn máy bơm từ trung ương, tuy nhiên nhu cầu và chất lượng cũng không ổn. Mùa lúa 1957, quận Gò Công và Hòa Đồng gặp hạn nặng, nhu cầu cần 30 máy bơm nhưng chỉ được hỗ trợ 14 máy và trong số này có máy bị hư phải sửa chữa mới sử dụng được (23). Máy cày là công cụ rất quan trọng cho việc cày xới, cải tạo đất, nhất là những vùng hoang hóa. Năng suất lúa những mùa có sử dụng máy cày đều cao hơn những nơi sử

dụng nông súc cày bừa. So sánh lúa sạ trên diện tích 1 ha, dùng máy cày nông dân thu được lợi tức gấp đôi so với trâu cày (máy cày lợi tức 1.470 đồng/ha, trâu cày lợi tức 720 đồng/ha) (24).

Nhà máy xay xát lúa ở Định Tường cũng được đầu tư, quan tâm nhằm đảm bảo nguồn gạo phục vụ tại chỗ cho nhân dân, cũng góp phần giải quyết lượng lúa thu hoạch của nhân dân được xử lý kịp thời. Tính đến năm 1963, tỉnh Định Tường có 93 nhà máy gạo hoạt động, tổng công suất 2.806 mã lực (H.P), năng lực sản xuất tối đa 689 tấn/24 giờ, số nhân công trung bình là 326 người (25).

Định Tường đã cố gắng hỗ trợ nông dân nhưng “sự cố gắng này chỉ đem lại kết quả nhỏ thôi” (26). Cơ giới hóa trong nông nghiệp bằng cách nhập khẩu máy móc, thay thế nông súc, nhưng các loại máy “được nhập cảng theo chương trình viện trợ phục vụ công tác dinh điền do Ngô Đình Diệm khởi xướng, một phần dùng làm mô hình trình diễn giới thiệu kỹ thuật cho nông dân” (27). Như vậy, đa số nông dân khó tiếp cận được với những thiết bị cơ giới tân tiến để phát triển sản xuất.

4. Kết quả đạt được của nghề trồng lúa ở Định Tường

Về diện tích, sản lượng

Chính quyền Sài Gòn dựa vào điều kiện đất đai, khí hậu, lượng mưa, cách thức trồng trọt của nông dân, chia thành 8 vùng trồng lúa. Theo cách chia này, tỉnh Định Tường thuộc vùng I (cùng với Long An, Kiến Hòa và vùng phụ cận), tức vùng thuận lợi nhất để cấy lúa. Nông dân ở đây làm ruộng cấy 2 mùa và cấy 1 mùa. Tuy nhiên, tùy theo địa phương cụ thể người nông dân lựa chọn hình thức canh tác, giống lúa cấy phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu. Cây lúa vẫn giữ địa vị chủ lực trong nền nông nghiệp của tỉnh. Ở Định Tường, chế độ canh tác sẽ chia theo kiểu ruộng lúa, có 2 loại: lúa sạ và lúa

Bảng 1: Nông lịch và năng suất các ruộng lúa ở Định Tường

Ruộng lúa	Diện tích (ha)	Thời gian gieo	Thời gian cấy	Thời gian gặt	Năng suất (tấn/ha)
Sớm	16.672	20/5-10/6	30/6-20/7	5-25/10 (130 ngày)	2,0
Lở	34.020	10-30/6	30/7-20/8	01-20/12 (170 ngày)	2,2
Mùa	64.316	28-09/7	28/8-09/9	01-26/01 (190 ngày)	2,2
Muộn	29.085	14-30/7	14-30/9	05-20/02 (210 ngày)	2,4
Mùa nhì	10.126	30/8-20/9	30/9-30/10	20/01-20/02 (178 ngày)	2,4

Nguồn: Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957-1963), *Biên bản khóa hội thảo nông vụ liên tỉnh tại Định Tường ngày 16.17/8/1962*, Hồ sơ số: 401, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

cấy; cùng với đó là giống lúa tương ứng. Theo tài liệu của Ty Nông vụ Định Tường dùng trong Hội thảo các Ty Nông vụ năm 1962 (28), mùa lúa 1960 toàn tỉnh có diện tích ruộng đất canh tác được là 159.800 ha trong tổng số diện tích đất ruộng là 180.000 ha. Ruộng lúa sạ có diện tích 5.581 ha, trồng vùng ven Đồng Tháp Mười, giống lúa thích hợp là Nàng Tây, Trường Hưng; thời gian canh tác khá dài, sạ khoảng tháng 4 đến cuối tháng 5, gặt khoảng tháng 12 đến tháng 2 năm sau; năng suất trung bình thấp, khoảng 1,8 tấn/ha.

Về ruộng lúa cấy, các giống lúa theo từng loại ruộng như: lúa sớm (Samo rằn, Samo trắng, lúa xiêm, Pu-ang Ngéon, Sardoeum), lúa lở (Nàng quýt, Ba Xuyên, Chim nghệ, Nàng lai, Nanh chôn, Móng chim), lúa mùa (Nàng rá, Sóc nâu, Nàng phệt, Trắng nhỏ), lúa muộn (Vé vàng, Tàu chệt cục, Tàu chén, Cà dung bắp, Rá mây, Trắng nhỏ Cai Lậy, Tàu hương, Ngọc chùm, Sa vút), lúa mùa nhì (Sóc nâu, Vé vàng, Tàu chệt cục, Nàng phệt, Trắng nhỏ Cai Lậy); về diện tích, thời gian canh tác, năng suất cũng khác nhau theo từng quận trong tỉnh (*xem bảng 1*) (thời gian là tính theo dương lịch, số ngày là ước lượng mức dài nhất).

Năng suất ruộng lúa sạ thấp hơn do điều kiện canh tác không thuận lợi, phụ thuộc vào thời tiết và nước sông. Trong khi ruộng lúa cấy cho năng suất cao hơn 0,2-0,6 tấn/ha. Nông dân các quận Long Định, Bến Tranh, Chợ Gạo, Khiêm Ích (hay Cai

Lậy) canh tác đủ các loại ruộng lúa cấy; quận Giáo Đức chỉ canh tác ruộng lúa muộn; các quận Sùng Hiếu (hay Cái Bè), Giáo Đức, Hòa Đồng, Gò Công không canh tác ruộng lúa mùa nhì. Tất cả giống lúa đều là giống địa phương, nông dân Định Tường đã góp phần tạo nên những giống được xem là tiêu biểu cho miền Nam, trở thành “thương hiệu” của tỉnh như: Puang-ngeon, Samo rằn, Samo trắng, Lúa xiêm; Nàng quýt, Ba Xuyên, Chim nghệ, Móng chim; Sóc nâu, Trắng nhỏ Cai Lậy; Sa vút, Vé vàng, Nàng thơm, Tàu chén... Tình hình sản xuất lúa ở Định Tường như vậy rất khả quan, kết quả này đạt đúng mong muốn chấn hưng nông nghiệp của chính quyền Ngô Đình Diệm. Những năm tiếp theo từ mùa lúa năm 1961 đến năm 1963, diện tích và sản lượng có những thay đổi (*xem bảng 2*).

Như vậy, năng suất lúa vẫn duy trì ổn định và luôn cao hơn trung bình của cả Việt Nam Cộng hòa; mùa lúa 1963 đạt năng suất 2,484 tấn/ha là mức cao nhất dưới thời Ngô Đình Diệm, chỉ xếp sau tỉnh Long An (2,624 tấn/ha) và Kiến Tường (2,503 tấn/ha) ở khu vực miền Tây Nam phần. Những kết quả đạt được đóng góp vào việc xuất khẩu gạo của Việt Nam Cộng hòa thông qua số liệu xuất tỉnh và cung ứng cho đô thành Sài Gòn hằng năm. Mùa lúa năm 1961, số liệu báo cáo của chính quyền Sài Gòn cho thấy diện tích giảm do có những vùng chính quyền không kiểm

**Bảng 2: Diện tích, sản lượng lúa ở Định
Tường năm 1961-1963**

Năm	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tấn/ha)	Năng suất trung bình (tấn/ha)
1961	141.800	323.100	2,278	1,958
1962	158.580	359.910	2,270	2,100
1963	166.960	414.730	2,484	2,099

Nguồn: Phòng Sưu tầm tư liệu, *Niên giám thống kê nông nghiệp năm 1964*, Hồ sơ số: Vv 352, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.

soát được và họ gọi là “vùng bán kiểm soát”. Đây là những nơi liên ranh tỉnh, quận, dân cư thưa, xa trục giao thông chính. Tỉnh trưởng Lâm Quang Thơ cho lập hẳn một bản “Kế hoạch bảo vệ mùa màng tại những vùng bán kiểm soát tỉnh Định Tường” (29). Biện pháp thực hiện của kế hoạch này là sử dụng quân đội xuống đến từng cánh đồng kiểm soát việc thu hoạch lúa, bán lúa của người dân. Trong 3 đợt thu hoạch lúa ở 8 quận (với diện tích 32.985 ha, sản lượng 52.776 tấn), chính quyền Định Tường sử dụng trung bình 1 đại đội/quận để “giám sát”. Theo kế hoạch, lúa sau khi thu hoạch sẽ vận chuyển đến các đường lớn để tiến hành đập, phơi và đưa vào các kho an ninh do chính quyền thiết lập ở các quận trữ lại. Đối tượng được mua là các chủ vừa trong tỉnh, ở đô thành, chủ nhà máy hoặc quân đội. Lượng lúa sau khi trừ số dành để ăn (mức tối thiểu cho người và vật nuôi), để gầy giống mùa sau còn dư sẽ “bán sạch” sau khi đập, phơi; chủ ruộng chỉ nhận tiền theo áp giá của chính quyền mà không mang lúa về nhà. “Chính quyền tỉnh có quyền buộc nông dân vùng bán kiểm soát phải bán số lúa thu hoạch, sau khi khấu trừ số lượng cần thiết để ăn và gầy giống” (30). Lượng lúa chính quyền tính trừ để bán: để ăn cho người 32.380 tấn (số dân vùng này là 134.919 người), vật nuôi là 1.145 tấn, gầy giống mùa sau là 1.759 tấn. Tính trung bình mỗi nhân khẩu sẽ có gần 240kg lúa

xay gạo để ăn, tức khoảng 144 kg gạo (theo tỷ lệ 1 kg lúa sản xuất 0,6 kg gạo).

“Kế hoạch bảo vệ mùa màng tại những vùng bán kiểm soát tỉnh Định Tường” không mang tính chất “bảo vệ mùa màng” đúng nghĩa của nó là cải thiện điều kiện canh tác, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh... mà nặng tính chính trị. Cách làm của Định Tường gây tâm lý hoảng sợ, người nông dân thu hoạch lúa dưới “họng súng” của quân đội; nhìn thành quả lao động của mình bị sung công, vì những nơi người dân bị nghi ngờ là “cán bộ Việt Cộng” sẽ có một ủy ban gặt lúa thay đem về kho, dân muốn nhận phải trả phí tổn và được chính quyền công nhận qua nhiều thủ tục. Quy định như thế xem như nông dân “mất trắng” mùa lúa. Tất cả cách thức tiến hành trong kế hoạch đều hướng đến thu gom lúa một cách nhiều nhất, cắt đứt sự ủng hộ về lương thực của người dân cho lực lượng cách mạng miền Nam; kế hoạch phải nhằm “mục đích tránh sự bóc lột của Việt cộng” (31). Đây là một chiêu bài thâm độc, làm tổn hại đến hoạt động của những người cộng sản tại Định Tường. Chính quyền Sài Gòn nhắm vào quyền lợi của nông dân là vấn đề lúa gạo, đây là chỗ dựa chủ yếu mang tính sống còn của cách mạng. Cũng là cách đối phó của chính quyền Sài Gòn trước “cao trào nổi dậy năm 1960 giành quyền làm chủ ở nông thôn đưa phong trào cách mạng chuyển sang thế tiến công mạnh mẽ” (32) của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Mỹ Tho - Gò Công.

Hoạt động thương mại hóa sản xuất lúa gạo

Nông nghiệp Định Tường có nhiều sản phẩm xuất tỉnh và cung ứng cho đô thành Sài Gòn. Rất nhiều sản phẩm từ nông nghiệp của Định Tường đều có dư để bán, nhiều nhất là lúa gạo. Tình hình lúa gạo và phó sản (tấm, cám) được thống kê qua các năm như bảng 3.

Bảng 3: Tình hình buôn bán lúa gạo và tấm, cám của Định Tường giai đoạn 1957-1963

Năm	Xuất tỉnh (tấn)				Chở đến Sài Gòn (tấn)			
	Lúa	Gạo	Tấm	Cám	Lúa	Gạo	Tấm	Cám
1957(33)					958.466	13.367,8		
1961	100.870	56.143	939		129	49.242	32	
1962	69.456	56.061	42		4.406	62.768	65	17
1963	7.425	69.794	96		6.830	81.156	23	14

Nguồn: Phòng Sư tầm tư liệu, *Niên giám thống kê nông nghiệp năm 1961, 1964, Hồ sơ số: Vv 352*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.

Lúa gạo và phó sản chở đến Sài Gòn không hoàn toàn phục vụ cho nhu cầu ở đây, mà một phần sẽ cung cấp cho các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên là những nơi kém về canh nông và một phần cung cấp để xuất khẩu. Dưới thời Ngô Đình Diệm, xuất khẩu lúa gạo là một nguồn thu ngân sách quan trọng. Mùa lúa 1961, Định Tường là địa phương xuất tỉnh lượng lúa cao nhất trong 10 tỉnh Tây Nam phần, lượng gạo xuất tỉnh xếp thứ ba sau Ba Xuyên (141.978 tấn) và Long An (80.353 tấn). Năm 1962, 1963 theo thống kê của Việt Nam Cộng hòa có 12 tỉnh cung cấp gạo đến Sài Gòn, Định Tường là tỉnh xếp thứ ba sau Ba Xuyên, Long An (34).

5. Kết luận

Nghề trồng lúa ở Định Tường giai đoạn 1954-1963 có nhiều biến đổi, diện tích canh tác, sản lượng đều tăng qua từng năm. Những chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đều nhằm chấn hưng nền nông nghiệp. Những năm 1957-1959, các phong trào Hợp tác xã, Hiệp hội nông dân được phát động triển khai. Điều này trùng hợp với diễn biến chính trị miền Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường các hoạt động mang tính khủng bố nhằm vào lực lượng cách mạng miền Nam, tranh giành sự ủng hộ của người nông dân miền Nam với

phía cách mạng. Tuy nhiên những chính sách đặt ra không phải đại đa số người dân đều được hưởng, mà tập trung vào các chương trình như Dinh điền, ấp chiến lược, ấp trù mật, khu trù mật. Sẽ thấy sự bất bình đẳng giữa những khu vực, mục tiêu cũng là để dồn dân vào đó, để bẻ tách họ khỏi sự liên hệ với những người cộng sản. Những khu trù mật Mỹ Phước Tây (Cai Lậy), Hậu Mỹ (Cái Bè); những trại định cư của đồng bào di cư từ Bắc vào như Bà Bèo (Bến Tranh), Long Định (Châu Thành) xem như hình mẫu để Định Tường khuếch trương những “tiến bộ” của Việt Nam Cộng hòa. Nhiều hoạt động được ưu tiên, mục đích cuối cùng là “tranh thủ trái tim khối óc của nông dân”.

Người dân Định Tường đã có nhiều cố gắng trong hoạt động sản xuất, dù có những bất lợi nhưng đã có những đóng góp vào sản ngạch lúa gạo của cả miền Nam. Kết quả này của người dân Định Tường càng được trân trọng hơn khi điều kiện hỗ trợ chưa thật sự tối ưu về lúa giống, phân bón hóa học, cơ giới hóa vốn... Người dân canh tác bằng kinh nghiệm, kỹ thuật thô sơ nhưng mang lại hiệu quả khá tốt. Điều đó chứng minh tính cần cù, nhẫn nại, vượt khó tiếp nối truyền thống từ những ngày đầu khai hoang mở cõi vùng đất phía Nam.

CHÚ THÍCH

(1). Phòng Sưu tập tư liệu, *Việt Nam thống kê nông nghiệp 1961*, Hồ sơ số: Vv.350, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(2), (4), (15), (20), (21), (27). Lê Đình Trọng, *Kinh tế nông nghiệp Việt Nam Cộng hòa 1955-1975*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2020, tr.62, 61, 153-154, 184, 185, 187.

(3). Lâm Quang Huyền, *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*, Nxb.Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr.35.

(5). Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa (1954-1963), *Tài liệu của Bộ điền thổ và cải cách điền địa v/v định giá ruộng hoang tỉnh Định Tường và ruộng trấu hữu tại quận Kiên Hưng, tỉnh Kiên Giang năm 1959*, Hồ sơ số: 12729, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(6). Võ Thành Thật, *Tín dụng nông nghiệp và công cuộc phát triển kinh tế nông thôn*, Luận văn tốt nghiệp Cao học 6 - 1970-1972 Kinh tế tài chính, Học viện quốc gia hành chính, Sài Gòn, 1972, tr.47.

(7). Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa (1954-1963), *Chương trình hoạt động 5 năm (1961-1965) của các tỉnh: Quảng Đức, Định Tường, Vĩnh Long, Phước Long*, Hồ sơ số: 21115, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.23.

(8), (10). Huỳnh Bạch Yến, *Vấn đề hợp tác xã*, Luận văn tốt nghiệp Ban đốc sự khóa 16 1968-1971, Học viện quốc gia hành chính, Sài Gòn, 1971, tr.2, 45.

(9), (14). Nguyễn Thị Hai, *Vai trò hợp tác xã Hiệp hội nông dân*, Luận văn tốt nghiệp Ban đốc sự khóa XVII - 1969-1972, Học viện quốc gia hành chính, Sài Gòn, 1972, tr.23, 25.

(11). Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp (Nông tín cuộc) (1957-1975), *Hồ sơ v/v HTX Nông nghiệp Phú Mỹ tỉnh Định Tường vay nợ tiền Quốc gia Nông tín cuộc năm 1958 - 1963*, Hồ sơ số: 891, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(12). Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp (Nông tín cuộc) (1957-1975), *Hồ sơ v/v vay nợ Quốc gia Nông tín cuộc của HTX Tích trữ và Bán lúa Cái Bè tỉnh Định Tường năm 1956 - 1957*, Hồ sơ số: 554, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(13). Báo cáo chung niên năm 1956 của Hợp tác xã quận cái Bè, Hồ sơ số: 554, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.3.

(16). Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp (Nông tín cuộc) (1957-1975), *Hồ sơ v/v Hiệp hội Nông dân quận Chợ Gạo, Hòa Đồng tỉnh Định Tường xin vay tiền Quốc gia Nông tín cuộc năm 1964*, Hồ sơ số: 1023, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(17). Nha Canh nông (1932-1975), *Kế hoạch ngũ niên gia tăng sản xuất gạo 1962-1966*, Hồ sơ số: 102, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(18). Nha Canh nông (1932 - 1975), *Hồ sơ v/v thí nghiệm năng suất lúa, lúa giống tại các Ty nông vụ thuộc quân khu IV năm 1963*, Hồ sơ số: 1382, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(19). Nha Canh nông (1932 - 1975), *Hồ sơ hoạt động của Ty Nông nghiệp Định Tường 1959-1974*, Hồ sơ số: 478, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(22). Bộ Thương mại và Tiếp tế - Nha Ngoại thương (1951 - 1975), *Tập Nghị định, Quyết định, Thông báo của Nha Ngoại thương, Tổng Nha thương vụ, Nha viện trợ thương mại v/v ấn định thể thức trợ cấp phân bón và định giá phân bón năm 1962, 1963, 1964, 1966, 1974*, Hồ sơ số: 681, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(23), (26), (33). Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa (1954-1963), *Báo cáo hoạt động tháng năm 1957 của tỉnh Định Tường*, Hồ sơ số: 138, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh, tờ số 71.

(24), (28). Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957 - 1963), *Biên bản khóa hội thảo nông vụ liên tỉnh tại Định Tường ngày 16-17/8/1962*, Hồ sơ số: 401, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

(25), (34). Phòng Sưu tập tư liệu, *Niên giám thống kê Nông nghiệp năm 1964*, Hồ sơ số: Vv 352, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh, tr.183, 124.

(29), (30), (31). Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa (1954-1963), *Hồ sơ về kế hoạch bảo vệ mùa màng tại những vùng bán kiểm soát của tỉnh Định Tường năm 1961*, Hồ sơ số: 14290, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.1, 5.

(32). Tỉnh ủy Tiền Giang, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1954-1975)* Tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.75.